TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-PT
Ngày: 06-7-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các thẩm phán: Bà Võ Thị Trầm

Ông Nguyễn Công Đường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Kiều L - sinh năm 1966;

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Bà L có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Đức D - sinh năm 1960;

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đức D: Bà Nguyễn Thị Mỹ M - sinh năm 1963; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy ủy quyền số công chứng 3712, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2020. Bà M có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Bùi Đức D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 02 tháng 11 năm 2020, các lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị Kiều L trình bày:

Ngày 23/5/2020 (ngày 01/4/2020 âm lịch), bà Đặng Thị Kiều L cho ông Bùi Đức D vay 1.800.000.000 đồng (một tỉ tám trăm triệu đồng). Ông D có ghi giấy mượn tiền đề ngày 01/4/2020 âm lịch có chữ ký của ông D. Trong giấy mượn tiền, ông D có hẹn mượn tiền trong thời gian 02 tháng, tức là sẽ trả nợ cho bà L vào ngày 21/7/2020 (tức là ngày 01/6/2020 âm lịch). Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 40.000.000 đồng/tháng (bốn mươi triệu đồng/tháng). Tuy nhiên, từ ngày 21/7/2020 (tức là ngày 01/6/2020 âm lịch) cho đến nay, ông D chưa trả tiền gốc và lãi cho bà L theo như thỏa thuận. Nay, bà L khởi kiện yêu cầu ông D trả tiền gốc là 1.800.000.000đồng cho bà. Bà L yêu cầu tính lãi trên nợ gốc với mức lãi suất là 1,6%/tháng tính từ ngày 23/5/2020 đến ngày 23/10/2020 là 05 tháng, tiền lãi là 144.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.944.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà L thừa nhận, chồng bà L có nhận của ông Bùi Đức D 40.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, bà L rút yêu cầu khởi kiện đối với 40.000.000 đồng lãi đã trả. Bà L yêu cầu ông D trả nợ gốc và lãi 1.904.000.000 đồng, trả luôn một lần.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 12 năm 2020, các lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Đức D là bà Nguyễn Thị Mỹ M trình bày:

Ngày 23/5/2020 (ngày 01/4/2020 âm lịch), ông D vay bà L 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng), ông D có viết giấy mượn tiền và hẹn 02 tháng là ngày 21/7/2020 (ngày 01/6/2020 âm lịch) sẽ trả cho bà L số tiền trên. Khi vay, các bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng/tháng). Tuy nhiên, đến ngày 01/6/2020, do kinh tế khó khăn nên ông D không trả được nợ gốc và lãi như thỏa thuận.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/12/2020, bà Nguyễn Thị Mỹ M là đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đức D đồng ý trả cho bà L nợ gốc và lãi là 1.944.000.000đ (một tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu đồng), bao gồm nợ gốc 1.800.000.000 đồng và nợ lãi là 144.000.000 đồng, trả một lần vào ngày 12/02/2021.

Tuy nhiên, ngày 17/12/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Mỹ M không thừa nhận ông D có vay của bà L 1.800.000.000 đồng, chỉ thừa nhận ông D có vay của bà L số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng và ông D đã trả lãi nhiều tháng, do tình hình kinh tế khó khăn nên ông D không đủ khả năng tiếp tục trả lãi cho bà L; bà L làm áp lực buộc ông D viết giấy nhận nợ với số tiền là 1.800.000.000 đồng. Do đó, bà M chỉ đồng ý trả cho bà L 1.100.000.000 đồng và yêu cầu không tính tiền lãi.

Bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Bùi Đức D phải trả cho bà Đặng Thị Kiều L tiền gốc và lãi là 1.904.000.000đ (một tỷ chín trăm linh bốn triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của ông Bùi Đức D khi thi hành án.

Ngày 09/02/2021, bị đơn ông Bùi Đức D kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 1.100.000 đồng nợ gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo, cho rằng Giấy mượn tiền ngày 01/4/2020 âm lịch không có giá trị vì lúc này ông D đang nằm viện, vừa qua phẫu thuật nên không thể lập giấy này được, giấy này được lập vào một thời gian khác, giấy không ghi nơi lập, trong giấy ghi số tiền viết bằng số là 1.800.000 đồng, giấy cũng không có thỏa thuận về lãi; thực chất, đây là khoản nợ gốc 1.100.000.000 đồng của ông D đối với bà L từ trước đó và đã bị bà L cộng dồn lãi lên và viết thành giấy nợ 1.800.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà Đặng Thị Kiều L đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm bao gồm cả quyết định về mức lãi suất do chậm thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định của bản án sơ thẩm là đúng, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giấy mượn tiền đề ngày 01/4/2020 âm lịch tức là ngày 23/5/2020 dương lịch có nội dung ông D vay của bà L 1.800.000.000 đồng với thời hạn vay 02 tháng do chính bị đơn ông Bùi Đức D viết và ký tên như thừa nhận của bà M là người đại diện theo ủy quyền của ông D; số tiền vay được ông D viết bằng số là 1.800.000 đồng nhưng đồng thời, được ông viết bằng chữ là "*một tỉ tám trăm triệu đồng*"; ông D nằm viện từ ngày 11/5/2020 và ra viện ngày 26/5/2020 nghĩa là giấy mượn tiền được viết chỉ trước khi ông được xuất viện 03 ngày; bà M cũng không đưa ra được chứng cứ xác định ông D viết giấy này vào một thời gian khác và là thời gian nào. Bà M cho rằng thực chất ông D chỉ nợ 1.100.000.000 đồng nợ gốc và bà L đã cộng lãi vào buộc ông D viết giấy nợ

1.800.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh; các tài liệu ghi nợ và ông D trả lãi cho bà L mà bà M cung cấp cho Tòa án là do chính tay bà M viết và tự theo dõi nợ, không có bất kỳ bút tích, xác nhận hoặc chữ ký của bà L nên không có giá trị chứng cứ; hơn nữa, bà M đã rất nhiều lần thừa nhận khoản nợ gốc 1.800.000.000 đồng trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm và không lý giải được việc thay đổi lời khai của mình.

[2] Tuy trong Giấy mượn tiền không ghi thỏa thuận về lãi nhưng quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, nhiều lần bà M thừa nhận lãi 40.000.000 đồng/tháng.

[3] Như vậy, việc ông Bùi Đức D vay bà Đặng Thị Kiều L 1.800.000.000 đồng vào ngày 01/4/2020 âm lịch tức là ngày 23/5/2020 dương lịch với thời hạn vay 02 tháng, lãi 40.000.000 đồng/tháng là có thật.

[4] Đến hạn trả nợ nhưng ông Bùi Đức D chưa trả nợ gốc và mới chỉ trả lãi 40.000.000 đồng nên bà Đặng Thị Kiều L yêu cầu ông trả nợ gốc và lãi chưa trả với mức lãi suất là 1,6%/tháng là có căn cứ, quyết định của bản án sơ thẩm là đúng; kháng cáo của ông Bùi Đức D không được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị đơn ông Bùi Đức D không được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Đức D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Kiều L đối với 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Kiều L. Buộc ông Bùi Đức D phải trả cho bà Đặng Thị Kiều L nợ gốc 1.800.000.000 đồng và nợ lãi là 104.000.000đ, tổng cộng 1.904.000.000 đồng (một tỷ chín trăm linh bốn triệu đồng).

3. Về án phí:

- Ông Bùi Đức D phải chịu 69.120.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003707 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V; như vậy, ông D chỉ còn phải nộp 69.120.000 đồng án phí.

- Trả lại cho bà Đặng Thị Kiều L 35.160.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003511 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Qui định chung:

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu: VP, Tòa DS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền